

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định giai đoạn 2015-2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng Bình Định trên cơ sở sáp nhập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 680/TTr-STC ngày 26/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Công trình: Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định, giai đoạn 2015-2020.
- Chủ đầu tư: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt Báo cáo Kinh tế- kỹ thuật: UBND tỉnh Bình Định.
- Địa điểm lắp đặt thiết bị: Số 01 Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2015-2020
- Thời gian thực hiện, hoàn thành: 2016- 2020

Điều 2. Kết quả đầu tư:**1. Chi phí đầu tư:***Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán
	Tổng cộng chi phí	7.973.815.000	7.893.584.000
I	Chi phí thiết bị	7.246.460.000	7.209.800.000
	Công ty CP DANA- Chi nhánh Bình Định		774.000.000
	Công ty TNHH TB Đo lường và Kiểm nghiệm		274.340.000
	Công ty TNHH Thiết bị Đo lường và Kiểm nghiệm		808.800.000
	Công ty TNHH Thương mại DV Công nghệ Tấn Phát		37.200.000
	Công ty TNHH TB Đo lường và Kiểm nghiệm		1.193.000.000
	Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Hà Phương		795.000.000
	Công ty TNHH TB Đo lường và Kiểm nghiệm		1.904.600.000
	Công ty TNHH TM DV Hoàng Việt T&D		778.100.000
	Công ty TNHH TM DV Công nghệ Tấn Phát		644.760.000
II	Chi phí quản lý dự án	127.900.000	127.900.000
III	Tư vấn đầu tư	209.991.000	172.700.000
1	Chi phí Lập BC KTKT	151.800.000	150.000.000
2	Chi phí lập HSMT-ĐG HSDT	15.620.000	0
3	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	42.571.000	22.700.000
	Năm 2017		6.800.000
	Năm 2018		10.900.000
	Năm 2019		5.000.000
IV	Chi phí khác	365.724.000	383.184.000

1	Chi phí thẩm định giá	33.103.000	33.103.000
2	Chi phí thẩm định BC KTKT	1.143.000	0
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	16.478.000	35.081.000
4	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng	315.000.000	315.000.000
V	Dự phòng chi	23.740.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng cộng chi phí	7.973.815.000	7.893.584.000	7.861.825.000	35.081.000	3.322.000
	Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ			235.000.000		
	Vốn đầu tư công NST: Đầu tư tập trung			7.626.825.000		
Trong đó						
	Chi khác:		33.103.000	36.425.000	0	3.322.000

Chi phí thẩm định giá TB					
Chi phí khác (thẩm tra QT)		35.081.000	0	35.081.000	0

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 7.578.584.000 đồng

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	1.491.330.000	1.491.330.000	6.087.254.000	6.087.254.000
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	1.455.475.000	1.455.475.000	6.081.157.000	6.081.157.000
2- Tài sản ngắn hạn	35.855.000	35.855.000	6.097.000	6.097.000

4.. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 315.000.000 đồng.

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Chi phí đào tạo, hướng dẫn sử dụng: 315.000.000 đồng.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và cơ quan thực hiện dự án:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là: 7.893.584.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	7.893.584.000	
1. Đã bố trí : Vốn đầu tư công NST: Đầu tư tập trung và Vốn Sự nghiệp KHCN	7.861.825.000	

2. Vốn phải thu hồi:	3.322.000	
3. Vốn còn thanh toán tiếp:	35.081.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (26/10/2022) là:

- Tổng nợ phải thu (Chi phí thẩm định giá TB) : 3.322.000 đồng.

- Tổng nợ phải trả (Chi phí khác: Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 35.081.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản: **7.578.584.000 đồng.**

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	1.455.475.000	35.855.000
2. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng Bình Định)	6.081.157.000	6.097.000

3. Chi phí không tạo nên tài sản: 315.000.000 đồng (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng).

4. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hoạch toán chi phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lâm Hải Giang;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang